A: Tài KT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26 /2015/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 04 tháng 9 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định nguyên tắc huy động đóng góp tự nguyện hàng năm của nhân dân và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16/04/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 85/1999/TT-BTC ngày 07/7/1999 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử lý các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 170/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015 của HĐND tỉnh về quy định nguyên tắc huy động đóng góp tự nguyện hàng năm của nhân dân và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2238/SKHĐT-XDCB ngày 31/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nguyên tắc huy động đóng góp tự nguyện hàng năm của nhân dân và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 07/3/2007 của UBND tỉnh ban hành quy định tổ chức huy động, quản lý sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện hàng năm của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, phường, thị trấn và Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 26/02/2010 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Quyết định số

16/2007/QĐ-UBND ngày 07/3/2007 của UBND tỉnh quy định tổ chức huy động, quản lý sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện hàng năm của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Minh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc huy động đóng góp tự nguyện hàng năm của nhân dân và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2015/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này áp dụng trong công tác tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội và quy định chế độ hỗ trợ bằng ngân sách nhà nước nhằm phát huy cao nhất nguồn nội lực trong nhân dân, để xây dựng, nâng cấp sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng của xã, phường, thị trấn và công trình cơ sở hạ tầng liên thôn, khóm, khu phố, ấp của xã, bao gồm các dự án giao thông, trường học, các công trình văn hóa thể thao, hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, kênh mương nội đồng, công trình điện và các công trình công ích khác.

Điều 2. Việc huy động khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội để xây dựng các công trình ở cấp xã phải được thực hiện theo nguyên tắc dân chủ bàn bạc, công khai minh bạch và quyết định theo đa số.

Điều 3. Việc đóng góp tự nguyện của nhân dân, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội kể cả phần hỗ trợ từ ngân sách và các nguồn khác để đầu tư xây dựng các công trình phải được sử dụng đúng mục đích, huy động cho công trình nào phải đầu tư trực tiếp cho công trình đó. Phương thức huy động, mức huy động do nhân dân nơi có dự án bàn bạc và quyết định.

Điều 4. Chủ trương đầu tư xây dựng các công trình được thực hiện theo hướng dẫn của UBND tỉnh về trình tự thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh và phù hợp với quy hoạch (gồm quy hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp huyện, quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng), được 2/3 số hộ dân thụ hưởng kết quả từ việc đầu tư dự án nhất trí. Trường hợp các quy hoạch nói trên tại các địa phương chưa được duyệt thì phải có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch trước khi quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 5. Giải thích từ ngữ: Trong quy định này một số từ (cụm từ) sau đây được hiểu như sau:

1. Cấp huyện: Bao gồm các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

2. Cấp xã: Bao gồm các xã, phường, thị trấn.

3. Ấp: Bao gồm ấp, khóm, thôn, khu phố.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG VÀ QUY ĐỊNH MỨC ĐÓNG GÓP TỐI ĐA HÀNG NĂM CỦA CÁC HỘ DÂN

Điều 6. Các công trình thực hiện đầu tư có sử dụng nguồn huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân gồm có:

1. Về giao thông: Dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa công trình giao thông ấp, liên ấp.

2. Về thủy lợi, thoát nước: Dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa, kiên cố hóa kênh mương nội đồng, kênh mương liên ấp và các dự án thủy lợi tạo nguồn tưới cho diện tích dưới 10 ha, dự án xây dựng mới hoặc sửa chữa hệ thống thoát nước liên ấp.

3. Về cấp nước: Dự án xây dựng mới, dự án cải tạo hệ thống cấp nước, xây dựng bể chứa nước sạch từ giếng khoan nước ngầm, dự án xây dựng hệ thống ống dẫn nước sinh hoạt cho cụm dân cư trong xã.

4. Về giáo dục: Đầu tư xây dựng mới, sửa chữa cải tạo các trường giáo dục mầm non (dân lập).

5. Các dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao do xã quản lý sử dụng.

6. Các công trình công ích khác thuộc phạm vi quản lý sử dụng của xã.

7. Các dự án được quy định tại Điều 22 Nghị định số 24/1999/NĐ.CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ thì thực hiện theo Điều 22 Nghị định số 24/1999/NĐ.CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ.

Điều 7. Đối tượng huy động đóng góp: Các hộ dân, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

Điều 8. Phương thức huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân: Bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động.

Điều 9. Khuyến khích kêu gọi các đơn vị tổ chức, cá nhân tài trợ tiền, vật tư, nhân công cho các dự án nêu tại Điều 6 của Quy định này.

Điều 10. Trình tự tổ chức huy động đóng góp

Tổng mức đầu tư và mức huy động nhân dân đóng góp cho 01 dự án cụ thể do những hộ có hưởng thụ kết quả từ việc đầu tư dự án bàn bạc thống nhất dưới sự chủ trì của UBND cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể tại địa phương bằng một trong các hình thức sau:

1. Họp nhân dân (chủ hộ) từng khu phố, tổ dân phố, ấp để bàn bạc thống nhất một số nội dung cơ bản sau:

a) Xác định cụ thể quy mô và giải pháp về mặt kỹ thuật (kết cấu, vật tư chủ yếu) để đầu tư.

b) Hình thức đóng góp, mức đóng góp cụ thể.

2. Trường hợp không tổ chức họp tập trung được thì phát phiếu lấy ý kiến về các nội dung theo Khoản 1 của Điều này. Số phiếu lấy ý kiến thu vào phải đạt ít nhất 90% tổng số đối tượng cần lấy ý kiến. Nếu được 2/3 tổng số hộ dân đồng tình thì tổ chức huy động đóng góp và nhân dân có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định đã được đa số đồng ý.

3. Trường hợp xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng có phát sinh việc giải phóng mặt bằng thì UBND cấp xã họp dân trong khu vực để thống nhất giải quyết theo phương thức sau:

a) Thông báo cho từng hộ dân phần diện tích đất và các vật kiến trúc cây trồng gắn với diện tích đất bị giải tỏa để thống nhất tính toán chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, đưa vào tổng dự toán công trình để xác định mức huy động hoặc xây dựng phương án thu lại của những hộ được hưởng lợi từ công trình để bù đắp.

b) Khuyến khích các hộ dân tự nguyện bàn giao đất và vật kiến trúc, cây trồng (nếu có) để đầu tư xây dựng công trình mà không nhận tiền bồi thường.

4. Trường hợp có chủ hộ chưa nhất trí với phương án huy động đóng góp, UBND cấp xã, các tổ dân phố, ấp chủ trì phối hợp cùng Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức hội đoàn thể tại địa phương kiên trì giải thích, vận động, thuyết phục để các hộ này tự nguyện đóng góp tham gia theo sự thống nhất chung.

5. Tổ chức thu:

a) Căn cứ vào chủ trương, phương thức và mức huy động do nhân dân bàn bạc thống nhất và được UBND cấp xã phê duyệt. Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo trưởng các ấp, ban công tác mặt trận ở nơi có dự án tổ chức vận động nhân dân đóng góp.

b) Bộ phận quản lý tài chính cấp xã có trách nhiệm cung cấp biên lai thu tiền cho Ban vận động (do UBND cấp xã thành lập) để tiếp nhận, quản lý các khoản đóng góp của nhân dân và các tổ chức kinh tế, xã hội (nếu có). Trong trường hợp được sự ủy quyền của UBND cấp xã, Ban vận động hoặc các Trưởng ấp thu các khoản đóng góp nói trên và nộp đầy đủ cho bộ phận quản lý tài chính cấp xã.

Điều 11. Xây dựng mức đóng góp của các đối tượng

1. Căn cứ vào nhu cầu vốn cần huy động cho từng công trình, trên cơ sở tổng dự toán công trình được duyệt sau khi đã trừ đi các nguồn: Tài trợ, viện trợ

của các tổ chức kinh tế, xã hội và cá nhân trong, ngoài nước; nguồn hỗ trợ từ ngân sách; Các nguồn khác liên quan.

2. Các trường hợp được xét miễn giảm dựa vào quy định về chính sách miễn giảm hiện hành. UBND cấp xã có trách nhiệm công khai các trường hợp miễn, giảm.

3. Nội dung huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân bao gồm các khoản thu sau đây:

a) Đối với dự án giao thông: Tổ chức thu đối với các đối tượng sau: Từng hộ gia đình, theo phương tiện vận tải hoặc hộ kinh doanh cá thể và các doanh nghiệp được hưởng lợi trực tiếp từ việc đầu tư dự án. Trong đó những hộ mặt tiền (nếu là đất quy hoạch dân cư thì tính theo mét ngang mặt tiền đường, nếu là đất quy hoạch nông nghiệp hoặc quy hoạch khác thì tính theo hộ), những hộ có phương tiện vận tải, các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh cá thể được huy động đóng góp chủ yếu; các hộ còn lại đóng góp trên nguyên tắc tổng vốn đóng góp ít hơn tổng vốn đóng góp của các hộ nói trên.

b) Đối với dự án thủy lợi: Tổ chức thu từng hộ gia đình theo tỷ lệ diện tích đất canh tác.

c) Đối với các dự án khác: Thu theo hộ gia đình.

UBND cấp xã nghiên cứu xây dựng phương án thu và mức thu cụ thể đối với từng đối tượng trên để lấy ý kiến nhân dân, triển khai thực hiện.

Điều 12. Mức huy động đóng góp tối đa hàng năm của mỗi hộ dân

Không vượt mức huy động tối đa được quy định như sau:

1. Đối tượng miễn: Hộ nghèo theo chuẩn quy định của tỉnh.

2. Đối tượng giảm: Hộ chính sách xã hội, hộ có công nhưng không thuộc diện hộ nghèo thì mức đóng góp tối đa bằng 50% hộ bình thường, nhưng tổng mức huy động tối đa hàng năm không vượt quá 200.000 đồng.

3. Đối với các hộ bình thường (hộ không thuộc đối tượng miễn, giảm), hộ kinh doanh cá thể, các doanh nghiệp: UBND cấp xã xây dựng mức đóng góp cho từng đối tượng để lấy ý kiến thống nhất đảm bảo thực hiện hoàn thành dự án, trên nguyên tắc doanh nghiệp đóng góp cao hơn hộ kinh doanh cá thể và hộ kinh doanh cá thể đóng góp cao hơn mức đóng góp bình quân của các hộ bình thường.

Khuyến khích các hộ thuộc đối tượng miễn, giảm tự nguyện đóng góp theo khả năng để xây dựng công trình.

Chương III

QUẢN LÝ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ VÀ MỨC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH

Điều 13. Quản lý vốn đầu tư

1. Khi thu khoản đóng góp bằng tiền mặt phải có biên lai chứng từ do ngành tài chính phát hành theo quy định về kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn hiện hành. Bộ phận quản lý tài chính cấp xã (gồm Chủ tịch UBND làm chủ tài khoản, kế toán - tài chính và thủ quỹ) có trách nhiệm quản lý và nộp đầy đủ, kịp thời vào tài khoản của cấp xã mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện theo quy định.

2. Đối với việc đóng góp bằng hiện vật (đất đai, các công trình kiến trúc trên đất, cây cối, hoa màu), nguyên vật liệu và ngày công lao động đều được quy đổi thành tiền, UBND cấp xã căn cứ quy định hiện hành của UBND tỉnh về giá đất, giá bồi thường các công trình kiến trúc cây cối, hoa màu để tính ra giá trị đóng góp của dân và công khai cho nhân dân nơi có dự án biết để thống nhất đưa vào giá trị công trình theo phương thức ghi thu - ghi chi. Tất cả các nội dung trên phải được thể hiện trong các biên bản, sổ sách, giấy tờ, biên lai thu tiền theo quy định và thể hiện trong hồ sơ quyết toán công trình.

Nguồn thu và tổng kinh phí có được cho dự án đó phải được niêm yết công khai bằng danh sách của từng đối tượng đóng góp bằng tiền, bằng hiện vật, ngày công lao động đã được quy đổi thành đồng tiền Việt Nam tại trụ sở ấp hoặc UBND cấp xã.

Điều 14. Việc quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân và các nguồn khác đầu tư cho dự án phải thực hiện đúng chế độ quy định. Kế toán xã, phường, thị trấn phải mở sổ kế toán để phản ánh và hạch toán quá trình thu, sử dụng các khoản đóng góp, tính toán chính xác số chênh lệch thu - chi (nếu có).

Điều 15. Sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, Ban Quản lý công trình lập và trình duyệt quyết toán theo quy định và báo cáo tình hình thu, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân và các nguồn huy động khác cho dự án để công khai cho nhân dân biết; đồng thời UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện và phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện biết để tổng hợp.

Trong trường hợp có chênh lệch thu - chi, UBND cấp xã phối hợp Mặt trận Tổ quốc, đại diện các tổ chức quần chúng tổ chức họp dân để bàn bạc và thống nhất quyết định xử lý phần chênh lệch.

Điều 16. Hỗ trợ của ngân sách

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 50% giá trị dự toán xây lắp đã có thuế VAT cho các công trình giao thông có giá trị dự toán xây lắp được duyệt từ 50 triệu đồng trở lên thuộc các xã vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi.

b) Hỗ trợ 40% giá trị dự toán xây lắp đã có thuế VAT cho các công trình giao thông có giá trị dự toán xây lắp được duyệt từ 100 triệu đồng trở lên cho các công trình thuộc xã vùng nông thôn, thị trấn Tân Phú, Định Quán, thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc và thị trấn Vĩnh An huyện Vĩnh Cửu.

c) Đối với các xã có nhu cầu đầu tư các tuyến đường điện phục vụ nhân dân nhưng ngành điện chưa có kế hoạch đầu tư thì địa phương có thể tổ chức vận động nhân dân tự nguyện đóng góp và ngân sách cấp huyện hỗ trợ theo khả năng.

d) Hỗ trợ xây dựng Trung tâm văn hoá thể thao cơ sở (xã, phường, thị trấn): Mỗi dự án hỗ trợ 40% dự toán xây lắp được duyệt (đã có thuế VAT) và chi phí bồi thường (nếu có), nhưng tối đa không quá 1.000 triệu đồng cho một công trình.

- Nội dung phân bổ vốn cho các dự án thực hiện xã hội hóa sẽ được phân bổ đồng thời trong giao kế hoạch vốn theo phân cấp của UBND cấp huyện đầu năm kế hoạch.

- Trường hợp tổng số vốn cấp huyện đề nghị hỗ trợ (đối với dự án đủ điều kiện) vượt cao hơn nguồn hỗ trợ xã hội hóa của tỉnh trong năm thì phân bổ theo tỷ lệ giảm tương ứng với tỷ lệ thiếu nguồn so với nhu cầu.

2. Điều kiện hỗ trợ đối với các dự án:

Các dự án đề nghị hỗ trợ phải được UBND cấp huyện dự kiến triển khai trong kế hoạch đầu tư công của năm kế hoạch (được dự kiến giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện dự án). Trong đó, phần vốn hỗ trợ từ ngân sách huyện phải đảm bảo tỷ lệ hỗ trợ theo quy định; đồng thời phải huy động được tối thiểu 20% tổng số tiền được thống nhất huy động xã hội hoá.

3. Ngân sách huyện hỗ trợ: 'Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa có trách nhiệm cân đối hỗ trợ từ ngân sách ít nhất là 20% giá trị xây lắp đã có thuế để đầu tư các dự án thực hiện xã hội hóa và có trách nhiệm huy động đóng góp của người dân theo cam kết; các công trình hạ tầng nông thôn khác cấp huyện cân đối ngân sách theo khả năng.

Chương IV

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN TỪ VỐN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN CỦA NHÂN DÂN

Điều 17. Công tác lập kế hoạch

Hàng năm trên cơ sở ý kiến thống nhất của nhân dân địa phương và dự kiến khả năng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, UBND cấp huyện hướng dẫn

UBND cấp xã tổng hợp lập kế hoạch đầu tư công các dự án đầu tư từ nguồn xã hội hóa có hỗ trợ vốn của ngân sách để đề nghị chấp thuận chủ trương hỗ trợ vốn đầu tư theo quy định. Kế hoạch đầu tư hàng năm bao gồm các nội dung sau:

- Bản thuyết minh kế hoạch, thể hiện rõ về sự phù hợp với quy hoạch, vốn đầu tư, mức vốn đề nghị hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, cơ sở để đề nghị hỗ trợ vốn của từng dự án.

- Biểu kế hoạch: Thể hiện về vốn để triển khai thực hiện đầu tư (gồm vốn xây lắp, thiết bị, chi phí khác), trong đó được phân ra thành vốn huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân, vốn đề nghị hỗ trợ (nếu là những dự án được hỗ trợ vốn) và vốn do các tổ chức cá nhân tài trợ. Danh mục các dự án được ghi ở mục này phải được nhân dân họp bàn thống nhất và Hội đồng nhân dân xã thông qua (có kèm theo biên bản họp dân và nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã).

Điều 18. Thời gian đăng ký kế hoạch

1. UBND cấp xã lập kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình sử dụng vốn kêu gọi đóng góp tự nguyện của nhân dân để lấy ý kiến nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Đối với các dự án đề nghị có vốn hỗ trợ của ngân sách tỉnh, ngân sách huyện thì UBND cấp xã đăng ký UBND cấp huyện để được xem xét cân đối hỗ trợ cho dự án từ phần ngân sách cấp huyện. UBND cấp huyện tổng hợp đăng ký danh mục các dự án đề nghị hỗ trợ của ngân sách tỉnh. Thời gian gửi bản đăng ký kế hoạch hỗ trợ vốn từ ngân sách tỉnh phải được gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong nội dung đăng ký kế hoạch đầu tư công hàng năm của UBND cấp huyện.

Căn cứ vào chủ trương thống nhất danh mục các dự án được hỗ trợ vốn và mức vốn được hỗ trợ từ ngân sách, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định và lập kế hoạch đầu tư và xây dựng năm của địa phương để ban hành thực hiện.

Điều 19. Đơn vị theo dõi, tham mưu kế hoạch vốn hỗ trợ cho các dự án có nguồn vốn đóng góp tự nguyện của nhân dân

1. Đối với cấp xã: Đơn vị tổng hợp xây dựng kế hoạch các dự án có hỗ trợ vốn của ngân sách là UBND cấp xã.

2. Đối với cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm tham mưu UBND cấp huyện bố trí kế hoạch vốn ngân sách để hỗ trợ cho từng dự án cụ thể.

3. Đối với cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn ngân sách để hỗ trợ cho các địa phương theo quy định tại Điều 16 của Quy định này.

Chương V

QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

Điều 20. UBND cấp xã thành lập 1 Ban Quản lý công trình gồm có 01 Trưởng ban là ủy viên UBND cấp xã, thành viên là đại diện các ban ngành, đoàn thể, tổ chức liên quan và đại diện nhân dân ấp nơi có dự án. Ban Quản lý công trình có nhiệm vụ:

1. Làm chủ đầu tư dự án sử dụng từ nguồn huy động vốn đóng góp tự nguyện của nhân dân để đầu tư cơ sở hạ tầng.

2. Tổ chức theo dõi thi công đảm bảo đúng thiết kế, tiến độ và dự toán được duyệt.

3. Phối hợp với các tổ dân phố, khu, ấp, Mặt trận Tổ quốc trong việc tổ chức huy động nhân dân đóng góp và quản lý nguồn huy động theo quy định.

4. Quản lý vật tư, tài sản, tiền vốn đầu tư cho công trình, đôn đốc giải phóng mặt bằng, quyết toán công trình theo quy định.

5. Tổ chức công khai kế hoạch huy động, mức huy động, kết quả huy động, kết quả thu chi, quyết toán công trình đúng theo thời gian và các quy định về nguyên tắc tài chính.

Điều 21. Kinh phí hoạt động của Ban Quản lý công trình cấp xã: Được hưởng theo quy định hiện hành về chi phí quản lý dự án.

Điều 22. Việc giám sát công trình là do Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tại địa phương thực hiện (trường hợp những công trình yêu cầu cao về kỹ thuật, vượt quá khả năng của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thì Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có ý kiến chính thức bằng văn bản để Ban Quản lý công trình thuê đơn vị có chức năng giám sát thực hiện nhiệm vụ giám sát kỹ thuật công trình, mức kinh phí thuê tư vấn giám sát theo quy định hiện hành). Giám sát công trình có nhiệm vụ:

1. Giám sát toàn diện tất cả các mặt, các khâu trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí, giám sát quá trình thi công xây lắp, nghiệm thu xác nhận sự cố hoặc phát sinh của công trình (nếu có), xử lý kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng của công trình, bàn giao và quyết toán công trình đúng theo quy định. Trường hợp thuê đơn vị chức năng giám sát kỹ thuật thì các nội dung còn lại vẫn thuộc trách nhiệm giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Phát hiện và thông báo kịp thời cho cấp có thẩm quyền để xử lý đối với những vi phạm trong quá trình tổ chức, huy động, quản lý các khoản đóng góp để xây dựng công trình và quá trình thi công, số lượng, chất lượng công trình.

Điều 23. Lập, thẩm định hồ sơ dự án, hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật: Theo quy định hiện hành của Luật Xây dựng và các quy định hiện hành về quản

lý đầu tư và xây dựng, quy định hiện hành về phân cấp quyết định đầu tư của UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 24. Việc tổ chức đấu thầu (hoặc chỉ định thầu) công trình được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Đấu thầu. Trường hợp chỉ định thầu thì phải có ý kiến thống nhất của đa số hộ dân (hộ tham gia đóng góp) về đơn vị được chọn chỉ định thầu và tuân thủ các quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn liên quan về điều kiện chỉ định thầu, năng lực nhà thầu.

Điều 25. Điều kiện để triển khai thực hiện công trình

1. Đảm bảo thực hiện hoàn tất và được phê duyệt các hồ sơ, thủ tục quy định tại Điều 23 và 24 của Quy định này.

2. Dự án đã thu tối thiểu 20% số tiền huy động của dân theo kế hoạch (kể cả phần giá trị quy đổi được quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Quy định này).

3. Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng theo quy định.

Chương VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 26. Chế độ báo cáo

1. Hàng tháng Ban Quản lý công trình báo cáo kết quả huy động tài chính, tiến độ thực hiện dự án về UBND cấp xã.

2. Hàng tháng UBND cấp xã báo cáo kết quả huy động tài chính, tiến độ thực hiện dự án về phòng Tài chính Kế hoạch để tổng hợp báo cáo UBND cấp huyện theo dõi, kiểm tra đôn đốc thực hiện.

3. Hàng quý, UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của các phường, xã, thị trấn trên địa bàn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

4. Tháng 11 hàng năm, UBND các huyện, thị xã, thành phố Biên Hòa chỉ đạo tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm.

5. Tháng 12 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Quy định này về UBND tỉnh.

Điều 27. Kiểm tra

1. UBND cấp xã thường xuyên rà soát kiểm tra tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư các dự án, chấn chỉnh kịp thời những sai sót; đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, báo cáo cấp trên để xử lý.

2. UBND cấp huyện thường xuyên kiểm tra các hoạt động của cấp dưới để đảm bảo thực hiện đúng các quy định hiện hành.

Điều 28. Xử lý vi phạm

Tùy theo mức độ sai phạm mà từng cá nhân, tập thể chịu trách nhiệm hình thức kỷ luật hoặc xử lý vi phạm theo pháp luật hiện hành.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. UBND các huyện, thị xã, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm triển khai đến các xã, phường, thị trấn thực hiện Quy định này và thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội theo đúng Quy định này.

Đối với các hộ không tự nguyện tham gia đóng góp theo sự thống nhất chung của tập thể, địa phương tổ chức họp dân đề xuất hình thức xử lý.

Điều 30. Thủ trưởng các đơn vị, sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện Quy định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Minh Phúc